| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NINH GIANG**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **29**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19/11/2019
*"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Phạm Đức Chính

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trịnh Anh Bật.
2. Bà Trần Thị Hồng Thắm.

*Thư ký ghi biên bản phiên toà*: Ông Đặng Đức Huấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Đại - Kiểm sát viên

Ngày 19/11/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2019/TLST-HNGĐ ngày 22/8/2019 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/10/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn, chị Trần Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn C ngày 08/4/2014 trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Ninh Giang. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, không bảo ban được nhau trong việc phát triển kinh tế gia đình. Bên cạnh đó, anh C còn có biểu hiện có quan hệ nam nữ bất chính với người phụ nữ khác, chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C không chịu sửa đổi. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn P, xã H, huyện N sinh sống; vợ chồng ly thân từ tháng 5/2015 đến nay, không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Nay nhận thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên chị làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh C.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 22/11/2014 do chị trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay. Khi

ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại đơn đề nghị bị đơn, anh Nguyễn Văn C trình bày:

Anh kết hôn với chị Trần Thị N vào năm 2014, đến tháng 11/2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không thể hòa hợp được nữa; vợ chồng có 01 con trai. Nay chị N có đơn yêu cầu ly hôn, vì lý do công việc bận nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Ngoài ra, anh không có quan điểm nào khác.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Ninh Giang phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147; khoản 2, Điều 227 BLTTDS. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N. Xử cho chị Trần Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn C. Giao con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 22/11/2014 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N về việc không yêu cầu anh Nguyễn Văn C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị N khởi kiện tranh chấp về ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, anh Nguyễn Văn C có địa chỉ tại Thôn V, xã H, huyện N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình đưa vụ án ra xét xử, chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn C được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương vào ngày 08/4/2014, là hợp pháp. Quá trình chung sống do tính cách vợ chồng không hợp nhau, không bảo ban được nhau trong việc phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến mâu thuẫn. Tháng 5/2015, do mâu thuẫn trầm trọng, chị N về gia đình bố mẹ đẻ tại Thôn P, xã H, huyện N sinh sống, chị với anh C sống ly thân, không quan tâm gặp gỡ nhau; hai bên không có biện pháp để đoàn tụ. Tài liệu xác minh tại địa phương là Thôn V, xã H, huyện N cho thấy: Mâu thuẫn giữa chị N và anh C đã trầm trọng và kéo dài; đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và có căn cứ để xử cho chị N ly hôn anh C theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Văn C có 01 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 22/11/2014 do chị N trực tiếp nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị N có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con, chứng minh điều kiện nuôi con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn C không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Xem xét điều kiện của chị N, Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung cho chị N nuôi dưỡng và chấp nhận sự tự nguyện của chị N, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị N ly hôn anh Nguyễn Văn C.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Gia B, sinh ngày 22/11/2014 cho chị Trần Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Văn C cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Văn C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo Biên lai số thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2014/0004903 ngày 22/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang;
- UBND xã H, huyện Ninh Giang *(để ghi vào sổ Hộ tịch)*;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Đức Chính**